

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU GTS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI TOÀN CẦU GTS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GTS GLOBAL TRADING SUPPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110218827

**3. Ngày thành lập:** 30/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, số 1/329 đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0795538999

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                     | 4610        |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                     | 4632        |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                       | 4633        |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                   | 4641        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                     | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                    | 4651        |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                     | 4652        |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Loại trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                | 4662        |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                | 4663        |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                      | 4669        |
| 11. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                              | 8230(Chính) |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng do Công ty kinh doanh | 8299        |
| 13. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                               | 7020        |
| 14. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                    | 7110        |
| 15. | Quảng cáo                                                                                                                              | 7310        |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                               | 7320        |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                         | 7410        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690 |
| 19. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719 |
| 20. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721 |
| 21. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722 |
| 22. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                 | 5225 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                     | 5229 |
| 26. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                               | 5510 |
| 27. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                      | 5590 |
| 28. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610 |
| 29. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911 |
| 30. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh lữ hành nội địa<br>Kinh doanh lữ hành quốc tế                                                                          | 7912 |
| 31. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                     | 7990 |
| 32. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                 | 8110 |
| 33. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 34. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 35. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 36. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông               | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức        | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ THANH<br>GIANG         | Khu 10 , Xã Yên<br>Kỳ, Huyện Hạ<br>Hoà, Tỉnh Phú<br>Thọ, Việt Nam                         | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 5,000        | C7682924                                                                                                               |            |
|     |                           |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                           | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>TUYẾT TRINH | Tổ dân phố số 11,<br>Thị trấn Thịnh<br>Long, Huyện Hải<br>Hậu, Tỉnh Nam<br>Định, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 5,000        | 0363010110<br>76                                                                                                       |            |
|     |                           |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                           | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                           | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                           |                                                                                           | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 5,000        |                                                                                                                        |            |

|   |                       |                                                                                                         |                                    |         |               |        |                  |
|---|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | LÊ MINH<br>COÓNG      | P8g2-CT4 Khu đô<br>thị mới Văn Khê,<br>Phường La Khê,<br>Quận Hà Đông,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000  | 500.000.000   | 5,000  | 0010850505<br>61 |
|   |                       |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Tổng số                            | 50.000  | 500.000.000   | 5,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         |                                    |         |               |        |                  |
| 4 | NGUYỄN THỊ<br>LAN ANH | Xóm Đình, thôn<br>Triều Khúc, Xã<br>Tân Triều, Huyện<br>Thanh Trì, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000  | 500.000.000   | 5,000  | 0011860122<br>64 |
|   |                       |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Tổng số                            | 50.000  | 500.000.000   | 5,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         |                                    |         |               |        |                  |
| 5 | TRIỆU THỊ<br>TÂM      | Xóm Đình, thôn<br>Triều Khúc, Xã<br>Tân Triều, Huyện<br>Thanh Trì, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 120.000 | 1.200.000.000 | 12,000 | 0011790345<br>61 |
|   |                       |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                       |                                                                                                         | Tổng số                            | 120.000 | 1.200.000.000 | 12,000 |                  |
|   |                       |                                                                                                         |                                    |         |               |        |                  |

|   |                 |                                                                                             |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 6 | NGUYỄN ĐÌNH THI | Số 61 ngõ Tự Do, phố Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 680.000 | 6.800.000.000 | 68,000 | 036079000123 |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                             | Tổng số                   | 680.000 | 6.800.000.000 | 68,000 |              |
|   |                 |                                                                                             |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH THI

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 26/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036079000123

Ngày cấp: 22/06/2020

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 61 ngõ Tự Do, phố Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 61 ngõ Tự Do, phố Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội